

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 21/CTBT-CT3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2019

## CÔNG BỐ THÔNG TIN 24 H

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

### I- Giới thiệu về tổ chức công bố thông tin:

- 1-Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3
- 2- Mã chứng khoán: CT3
- 3- Địa chỉ trụ sở chính: 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh
- 4- Điện thoại: (028) 38339390 ; Fax: (028) 38351102

### II- Nội dung công bố thông tin:

Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (Có file đính kèm nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành từ ngày 26/06/2019).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để B/c);
- TGD (để B/c);
- Lưu TC-HC.

Người công bố thông tin



Nguyễn Kim Chinh

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2019

SỐ : 10 / NQ – HĐQT

## NGHỊ QUYẾT

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 4036/BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Công trình Đường sắt 3 đơn vị thành viên của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị quyết số 05 /NQ – DHCD – CT3 ngày 31 tháng 05 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Công trình 3 về việc ủy quyền cho HĐQT sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13,

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Thống nhất sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13(Bản chi tiết đính kèm). Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ sẽ được báo cáo tại DHCD năm 2019.

**Điều 2.** Điều lệ mới có hiệu lực từ ngày 26 tháng 06 năm 2019 và thay thế cho các bản điều lệ tổ chức và hoạt động đã ban hành trước đây của Công ty.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc, công ty con và người đại diện phần vốn Công ty tại các đơn vị thành viên căn cứ Nghị quyết thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3
- Lưu HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Thạm Văn Thủy

## ĐIỀU LỆ

### Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3

## PHẦN MỞ ĐẦU

### Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; và luật chứng khoán sửa đổi Số : 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010.

Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông vận tải, về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty công trình Đường sắt 3 đơn vị thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam thành công ty cổ phần;

Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần; đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16 tháng 06 năm 2017, do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổ chức và hoạt động của Công ty được thực hiện theo Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan;

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Giải thích thuật ngữ:

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

b) “**Pháp luật**” có nghĩa là các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và tất cả các văn bản pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm liên quan đến hoạt động của Công ty, được áp dụng hiện hành.

c) "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị tài sản do các thành viên đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần.

d) "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần.

đ) "**Người quản lý của Công ty**" là Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác (nếu có).

e) "**Người điều hành của Công ty**" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng và các chức danh tương đương.

f) "**Người có liên quan của Công ty**" là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:

(i) Công ty với công ty con của Công ty và ngược lại; các công ty con của Công ty với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Công ty, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con của Công ty và ngược lại;

(ii) Công ty với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Công ty hoạt với người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này hoặc ngược lại;

(iii) Công ty với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột của người quản lý Công ty, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

(iv) Công ty với cá nhân, tổ chức đại diện theo ủy quyền của Công ty và ngược lại;

g) "**Thời hạn hoạt động**" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 1.6 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

h) "**Cổ phần**" là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.

i) "**Cổ đông**" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và đăng ký tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là một người sở hữu cổ phiếu.

j) "**Cổ phiếu**" là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ của Công ty phát hành, xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty có thể là cổ phiếu ghi tên hoặc cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ này.

k) "**Cổ phiếu quỹ**" là cổ phiếu của chính Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại bằng nguồn vốn hợp pháp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

l) "**Sổ đăng ký cổ đông**" là sổ đăng ký cổ đông quy định tại điều 86 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

m) "**Đại hội đồng cổ đông**" hoặc "đại hội" là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

n) "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.

o) "**Công ty con của Công ty**" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

(i) Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành của công ty con;

(ii) Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của công ty con.

(iii) Công ty có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty con.

(iv) Công ty và người có liên quan của Công ty trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty con.

p) "**Đơn vị trực thuộc**" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty, bao gồm Xí nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện.

q) "**Đơn vị thành viên**" là các đơn vị trực thuộc và công ty con của Công ty.

t) "**Người đại diện theo ủy quyền của Công ty**" là người được Công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại các công ty con theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

u) "**Công ty đại chúng**" là công ty cổ phần thuộc một trong ba loại hình sau đây:

(i) Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;

(ii) Công ty có cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán;

(iii) Công ty có cổ phiếu được ít nhất một trăm nhà đầu tư sở hữu, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và có vốn điều lệ đã góp từ mười tỷ đồng Việt Nam trở lên.

v) "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành

x) "**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **II. TÊN GỌI, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

- Tên tiếng Anh: PROJECT 3 CONSTRUCTION&INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

- Tên viết tắt: CT3

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: 136/1 Đường Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (08) 38 339 390 - (08) 3832 3036

- Fax : (08) 38 351 102

- Website : [www.ct3.com.vn](http://www.ct3.com.vn)

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

6. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, bắt đầu kể từ ngày đăng ký kinh doanh. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do giải thể hay một lý do nào khác phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phải hoàn tất thủ tục pháp lý theo quy định và thực hiện theo Luật Doanh nghiệp.

### **Chương II**

## **MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan : Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây điện dưới 35 KV. Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng. Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công; Thiết kế: Tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ). Tư vấn thiết kế. Thiết kế xây

dụng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;

- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng : Đào, đắp, san lấp mặt bằng tạo bãi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao : Sản xuất tà vẹt, cầu kiện bê tông ( Không : Sản xuất vật liệu xây dựng; tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, rèn, đúc , cán kéo thép kim loại, đập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở ) ; Sản xuất vật liệu xây dựng ( Không sản xuất tại trụ sở )
- Sản xuất các cầu kiện kim loại : Sản xuất cầu kiện thép và sản phẩm cơ khí (Không : Sản xuất vật liệu xây dựng; tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, rèn, đúc , cán kéo thép kim loại, đập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở )
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác : Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị. Xây dựng công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê : Kinh doanh nhà ở. Kinh doanh bất động sản.
- Sửa chữa thiết bị khác : Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải ( Không : gia công cơ khí; tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở )
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu : Mua bán vật tư, thiết bị giao thông vận tải. Mua bán vật liệu xây dựng. Mua bán, cho thuê máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.
- Vận tải hành khách đường bộ khác : Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động : Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn ( Không kinh doanh tại trụ sở ).
- Xây dựng công trình công ích : Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông ( Không : gia công cơ khí; tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở ).
- Khai thác đá, cát , sỏi, đất sét : Đào mới, nạo vét kênh rạch, cửa sông, bến cảng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa : Đảm bảo an toàn giao thông đường thủy.
- Sản xuất khác chưa phân được vào đâu : Sản xuất gói cầu, sản xuất Ghi, gia công phụ kiện đường sắt.
- Vận tải hành khách đường bộ khác : Kinh doanh vận tải bằng ô tô .
- Sản xuất khác chưa phân được vào đâu : Sản xuất sắt, thép, gang ( không sản xuất tại trụ sở )

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước



và phát triển Công ty. Công ty luôn tôn trọng và bảo vệ quyền lợi chính đáng của cổ đông, trách nhiệm với xã hội; Công ty hoạt động theo hướng đa ngành nghề; không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh có chọn lọc hướng phát triển thích hợp.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phê chuẩn theo quy định tại Điều lệ này.

3. Công ty có phạm vi kinh doanh và hoạt động cả trong nước và ngoài nước.

#### **Điều 5. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị khác**

1. Các tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình và phù hợp với quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Chương III VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập :**

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là **80.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng).**

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **8.000.000 cổ phần**, với mệnh giá **10.000 đồng/cổ phần** (Mười ngàn đồng một cổ phần).

2. Vốn điều lệ của Công ty là vốn được ghi tại Điều lệ Công ty và được xác nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Số lượng cổ phần của Công ty bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ từng loại cổ phần được quy định tại Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp các quy định của pháp luật.

6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.



7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 điều này.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

6. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh

được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Điều lệ công ty.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi liên quan khác theo luật định.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông cá nhân, cổ đông tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong thời gian đảm nhiệm chức vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 luật doanh nghiệp thuộc sở hữu Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 12% (mười hai phần trăm) 01 (một) năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

#### **Chương IV** **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY**

##### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc;
- d. Ban kiểm soát;
- e. và bộ máy giúp việc.

#### **Chương V** **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

##### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định;

b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý

do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử;

6. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông**

Cổ đông của Công ty có trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty, Ban kiểm soát Công ty;

2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã đăng ký cam kết mua theo quy định;

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau :

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc 06 (sáu) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 điểm a điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 5 điều 136 của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 điều 136 của Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông do Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn, ở và đi lại.

### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau :
  - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
  - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
  - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền và nhiệm vụ thông qua quyết định về các vấn đề sau :
  - a. Thông qua định hướng phát triển công ty.
  - b. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên ban kiểm soát.
  - đ. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát ;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông công ty ;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và các quy chế khác của công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng .

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 16. Các đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;



c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 18. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị Chương trình, nội dung đại hội.

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo, trường hợp cổ đông là người lao động làm việc trong công ty thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay cổ đông tại nơi làm việc, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Thông báo mời họp phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị, đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba)

ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị, đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 điều này trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị, đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định tại khoản 3 điều 12 Điều lệ này.

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

d. Các trường hợp khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (Năm mươi một phần trăm) trong tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội để tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì người triệu tập cuộc họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (Ba mươi ba) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội theo quy định tại khoản 2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của điều lệ này

#### **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số phiếu ủng hộ nghị quyết được thu trước, số phiếu phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào đề nghị của chủ tọa nhưng không vượt quá số người quy định của pháp luật hiện hành là 03 (ba) người. Để đảm bảo cho Ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Ban kiểm phiếu có thể thành lập một (1) bộ phận giúp việc cho mình.

3. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn so với thời điểm khai mạc đại hội đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc cuộc họp thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ thay thế tạm thời làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ

ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu 01 (một) người khác trong số thành viên tham dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Chủ tọa Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí, sắp xếp chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi các biện pháp nêu trên và áp dụng các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

- a. Thông báo Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (địa điểm chính của đại hội);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

## **Điều 21. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty ;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty .
- c. Phát hành cổ phiếu : loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu chào bán
- d. Bầu, miễn nhiệm , bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc công ty.

đ. Quyết định việc đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty.

e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

f. Tổ chức giải thể công ty.

3. Các nghị quyết khác được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc có thể biểu quyết tại cuộc họp cổ đông.

#### **Điều 22. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành :

- a. Sửa đổi và bổ sung điều lệ .
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại chào bán ;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Giao dịch mua bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty.
- đ. Tổ chức lại hay giải thể công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số phiếu cổ cổ đông đại diện ít cho nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu của mình nhân với số thành viên được bầu Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ trên cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

5. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

**Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông của từng cổ đông có quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại mục a khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này và khoản 1, khoản 2 điều 137 của luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;



4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền .

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề đã thông qua Đại hội;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ , kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu .

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;



9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu giữ các Biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký đại hội, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng

văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 22 của Điều lệ này;

2. Trình tự, thủ tục ra nghị quyết và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp và Điều 20 Điều lệ này.

## **Chương VI** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 3 người nhiều nhất là 11 người, số lượng chính thức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp.

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/3 tổng số thành viên hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 01 ứng viên

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 ứng viên;

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho công ty với tư cách là ứng viên HĐQT.

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến thời điểm diễn ra đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau :

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty, và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác và kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị ( đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm 1 điều này ) và không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 điều 151 Luật doanh nghiệp.

### **Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý, chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty; đề ra phương hướng tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức bộ máy hoạt động; quyết định

mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về quản lý Công ty theo Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh trung hạn và ngân sách hàng năm của Công ty, phương án đầu tư của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với các chức danh do Hội đồng quản trị quyết định và quản lý gồm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc; Kế toán trưởng; Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên; Phê chuẩn đề nghị của Tổng giám đốc về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc quyết định và quản lý gồm: Trưởng phòng, Phó trưởng phòng; Giám đốc, Phó giám đốc xí nghiệp và tương đương. Trong trường hợp đặc biệt hoặc cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh cán bộ quản lý do Tổng giám đốc trực tiếp quản lý trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

d. Cử người đại diện vốn góp (đại diện theo ủy quyền) của Công ty tại các Công ty con.

e. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc thì mức lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

g. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

h. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

i. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

j. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ do Hội đồng quản trị quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là

vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

m. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

n. Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty;

o. Quyết định triệu tập, duyệt chương trình và nội dung, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường;

p. Quyết định các quy chế hoạt động, quy chế tổ chức, nhân sự, quy chế tuyển dụng và cho thôi việc, quy chế phân phối tiền lương và thu nhập, quy chế tài chính, quy chế chi tiêu và các quy chế khác của Công ty;

q. Quyết định một số công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo đề nghị của Tổng giám đốc;

r. Quyết định mức bồi thường vật chất do người lao động gây thiệt hại cho Công ty;

s. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức lên Đại hội đồng cổ đông công ty.

t. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập, sát nhập, giải thể Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập, sát nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, giải thể các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các xí nghiệp thành viên, công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 135 và khoản 3 điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập Công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư vượt quá 10% (mười phần trăm) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã chào bán trong 12 tháng.

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5.. Hội đồng quản trị phải báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ công ty, công ty con, công ty liên kết của công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty.

11. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị trong các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

c. Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc đề lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị;

d. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó.

đ. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

e. Đảm bảo cho các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.

g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ;

i. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

k. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả này;

l. Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc biết về việc ủy quyền này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.



### **Điều 30. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần, trường hợp đặc biệt không được quá 03 (ba) tháng.

2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc.

3. Các hình thức khi thông qua quyết định của Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị có quyền thông qua quyết định bằng cách biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bằng cách hỏi qua thư tín, qua Fax;

b. Quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

- Cuộc họp Hội đồng quản trị hợp lệ khi có mặt dự họp của hơn 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị;

- Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo đa số thành viên dự họp đồng ý. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị là quyết định cuối cùng.

4. Mọi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải ghi trong biên bản và phải được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký, là tài liệu lưu giữ của Công ty.

5. Hội đồng quản trị tùy thuộc vào công việc phân công việc cho các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bố trí định viên để thực hiện các việc mang tính chất tổng hợp, phân tích số liệu, tài liệu, làm công việc hành chính, ghi biên bản và công việc khác của Hội đồng quản trị.

### **Điều 31. Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị gồm: Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng quản trị điều hành các công việc cụ thể của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải ủy quyền người thay thế công việc của mình khi vắng mặt.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện hợp pháp cho Công ty trước pháp luật, có trách nhiệm và quyền hạn sau:

- a. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- c. Chuẩn bị nội dung chương trình và điều khiển các cuộc họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- d. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

- f. Ký các văn bản, quyết định và giải quyết công việc theo chức danh của mình;
  - g. Lập chương trình công tác, phân công công tác cho các thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện việc kiểm tra giám sát mọi hoạt động của Công ty;
  - h. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình;
  - i. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông;
  - k. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty;
    - l. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:
- a. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoàn thành nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công;
  - b. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Công ty và cổ đông.
  - c. Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
  - d. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  - e. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật.
  - g. Được quyền yêu cầu các cán bộ, các chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
  - h. Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong cuộc họp. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;
  - i. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - k. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đi vắng, thành viên Hội đồng quản trị nào được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thay thế công việc phải thực hiện đúng chức trách, nội dung công việc được phân công và chịu trách nhiệm khi thực hiện việc ủy quyền đó;
    - l. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

### **Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b. Ít nhất của hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có);
- d. Ban kiểm soát.
- e. Các trường hợp khác (nếu có)

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 của điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến khoản 3 của Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn

đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết của các thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

#### 8. Số thành viên tham dự tối thiểu:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện ( người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền.

#### 9. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 9 điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết thì phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b Khoản 5 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó phải có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc

hợp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết, quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất 01 (một) chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản cuộc họp (trừ trường hợp họp trực tuyến theo khoản 12 điều 32 Điều lệ này).

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm 01 (một) hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và 01 (một) hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy quyền, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.

Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

17. Người phụ trách quản trị công ty :

a) Hội đồng quản trị có thể chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

b) Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

c) Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

d) Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

## **Chương VII**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

**Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có Tổng giám đốc, một số Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một quyết định được thông qua một cách hợp thức.

#### **Điều 34. Cán bộ quản lý**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và các chức danh cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

3. Mức lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc công ty phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

#### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác và có thể được tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại điều 65 Luật Doanh nghiệp.

3. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng phòng chức năng và các chức danh khác theo quy định của Công ty; Phó tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công của Tổng giám đốc; báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công. Số lượng Phó tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.

4. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và nội bộ Công ty.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc:

a. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

b. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty. Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực vì lợi ích của Công ty và lợi ích của cổ đông Công ty.

c. Bảo toàn phát triển vốn, thực hiện theo phương án sản xuất kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định giá mua, bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm dịch vụ do nhà nước quy định). Quyết định những vấn đề về tài chính theo Quy chế tài chính do Hội đồng quản trị ban hành; Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh.

d. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, nâng bậc lương, phụ cấp, thưởng các chức danh quản lý trong Công ty gồm: Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, Giám đốc xí nghiệp, Phó giám đốc xí nghiệp, Trưởng chi nhánh, văn phòng đại diện và tương đương, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, công nhân viên trong Công ty theo thẩm quyền, phê duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các phòng, các đơn vị trực thuộc theo quy chế quản lý tổ chức cán bộ do Hội đồng quản trị ban hành;

e. Quyết định lương, thưởng và phụ cấp đối với tất cả cán bộ, nhân viên và người lao động theo thẩm quyền;

f. Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

g. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản;

h. Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty trình Hội đồng quản trị quyết định theo thẩm quyền, thiết lập duy trì hệ thống kiểm soát có hiệu quả. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

i. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

j. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm.



k. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ, quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

l. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

m. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

n. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ Công ty, trái nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, trái với các quy chế do Hội đồng quản trị ban hành, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát.

o. Tuyển dụng, thuê mượn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, pháp luật lao động; khen thưởng, kỷ luật, giải quyết thôi việc, nghỉ hưu trí đối với người lao động phù hợp với Luật Lao động và Quy chế tuyển dụng lao động của Công ty; không được tuyển dụng, bổ nhiệm bố, mẹ, vợ, con hoặc họ hàng trực hệ 3 đời vào các chức danh về kế toán, thủ quỹ trong Công ty.

p. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố khẩn cấp v.v. và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

q. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

r. Nếu vi phạm những quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Hội đồng quản trị, gây tổn thất lớn thì sẽ bị Hội đồng quản trị ngưng thuê trước nhiệm kỳ.

s. Những quy định khác của pháp luật.

6. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

7. Miễn nhiệm, bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết (trong trường hợp này không tính biểu quyết của thành viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc) dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm, bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

a) Tổng giám đốc của Công ty bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị Công ty (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);

- Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điều 65 Luật Doanh nghiệp;

- Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

b) Tổng giám đốc của Công ty sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

### **Điều 36. Thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **Chương VIII**

### **NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

#### **Điều 37. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ quyền có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, căn trọng vì lợi ích của công ty.

#### **Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và những cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu trong các trường hợp sau :

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ nhỏ hơn hoặc bằng 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **Chương IX BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 40. Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát, giám sát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (ba) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất 01 (một) thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định ở khoản 2 điều này. Ban kiểm soát bầu 01 (một) thành viên làm Trưởng ban.

Trưởng Ban kiểm soát Công ty có quyền và trách nhiệm sau:

a. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;

b. Triệu tập và chuẩn bị chương trình các cuộc họp Ban kiểm soát trên cơ sở lấy ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

d. Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

e. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này;

f. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết;

g. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;

h. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

a. Thành viên ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp.

b. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật .

c. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan (được luật quy định) với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

d. Không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

e. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điều này thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử thành viên Ban kiểm soát Công ty như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 02 ứng viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử 03 ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử

4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật .

6. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau :

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật .

#### **Điều 41. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và của các thành viên Ban kiểm soát**

I. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ này trong quản trị, điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền được giao.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Xem xét sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 26 của

Điều lệ này. Ban kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông nêu trên. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

6. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;

7. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

8. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

10. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều lệ này hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

11. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

12. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên ban kiểm soát trở lên dự họp

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty.

14. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và kinh phí hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn, ở, đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## II. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát:

1. Thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn của Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Công ty và cổ đông;

2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát;

3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường;

4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);

5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;

6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá kết luận của mình;

7. Tham dự các cuộc họp Ban kiểm soát, tham gia góp ý kiến và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;

8. Các nhiệm vụ quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

## Chương X

### QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

#### Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 điều 26 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc 01 (một) bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ



đồng và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

## **Chương XI CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 43. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, quỹ phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

2. Chế độ tuyển dụng: Về tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế tuyển dụng và cho thôi việc cán bộ, công nhân viên của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

3. Chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động làm việc trong Công ty: Người lao động làm việc trong Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 đều phải ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền), được hưởng quyền lợi và phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Luật Lao động, quy định của Công ty, và hợp đồng lao động đã ký kết.

## **Chương XII MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN**

### **Điều 44. Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

1. Công ty có các đơn vị trực thuộc (Xí nghiệp, Chi nhánh, Văn phòng), Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty con.

2. Công ty có thể thành lập các đơn vị thành viên ở trong nước và ngoài nước theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi pháp luật cho phép.

### **Điều 45. Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc**

Các đơn vị trực thuộc công ty bao gồm Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, hạch toán độc lập thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Công ty và được cụ thể hóa bằng quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế hoạt động do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

### **Điều 46. Quản lý phần vốn góp của Công ty trong các Công ty liên quan**

1. Công ty giao quyền cho người đại diện theo ủy quyền của Công ty trực tiếp thay mặt Công ty quản lý các khoản đầu tư của Công ty tại các Công ty liên quan trong phạm vi Điều lệ của các Công ty có liên quan này cho phép.

2. Công ty quyết định mức đầu tư vào các Công ty có liên quan thành lập mới, điều chỉnh mức đầu tư đối với các Công ty có liên quan đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các Công ty có liên quan được xác định theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và tại từng thời điểm cử người đại diện cụ thể.

#### **Điều 47. Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan**

1. Khi Công ty nắm quyền chi phối đối với một Công ty liên quan, quyền chi phối, hỗ trợ sẽ được quy định trong Điều lệ và Quy chế tài chính của Công ty liên quan, có thể bao gồm các lĩnh vực sau:

- a. Biểu quyết và phê duyệt Điều lệ hoạt động;
- b. Biểu quyết việc phê duyệt phương hướng chiến lược sản xuất kinh doanh;
- c. Biểu quyết việc phê duyệt kế hoạch hàng năm;
- d. Biểu quyết việc phê duyệt các phương án kinh doanh của Công ty có liên quan cho việc đầu tư ra ngoài của Công ty có liên quan;
- đ. Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty có liên quan;
- e. Tham gia vào hoạt động trong toàn bộ Công ty, liên kết với các Công ty có liên quan để thực hiện các dự án cần có sự phối hợp của nhiều doanh nghiệp;
- g. Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chịu rủi ro đối với phần vốn của Công ty đầu tư vào các Công ty có liên quan;
- h. Các lĩnh vực khác theo Điều lệ của các Công ty có liên quan và quy định pháp luật.

2. Công ty sẽ hỗ trợ các đơn vị thành viên bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của các đơn vị thành viên và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các đơn vị thành viên. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ, đầu tư giữa các đơn vị thành viên được xác định trên cơ sở vì lợi ích tốt nhất và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các Công ty liên quan. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Công ty thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các Công ty có liên quan.

#### **Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

1. Công ty quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Công ty là chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Công ty. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Phê duyệt Điều lệ khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty theo đề nghị của công ty. Quyết định mô hình tổ chức quản lý, cơ cấu quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật chức danh Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên.

b) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

c) Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ theo đề nghị của Công ty; trình chủ sở hữu quyết định chuyển một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

d) Quyết định dự án đầu tư, mua bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

e) Tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty; giám sát đánh giá hiệu quả của Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty theo Điều lệ Công ty.

g) Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm và quyết định phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

h) Trình chủ sở hữu quyết định tổ chức lại, giải thể và phá sản Công ty theo quy định của pháp luật.

i) Các quyền khác theo quy định của chủ sở hữu và quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Công ty phân cấp cho Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật đối với Giám đốc công ty; Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

4. Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Góp vốn đầu đủ và đúng hạn như đã cam kết; trường hợp không góp vốn đủ và đúng hạn như đã cam kết thì phải chịu các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết.

b) Tuân thủ Điều lệ Công ty.

c) Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và của Công ty.

d) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty với Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 3.

đ) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### Chương XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN



**Điều 49. Cổ tức**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty .

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể được thực hiện trực tiếp hoặc thông các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng của cổ đông do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết xác một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Thông báo về ngày chốt danh sách cổ đông và việc thực hiện quyền nhận cổ tức của cổ đông được thực hiện theo quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán do trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam ban hành.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật .

**Điều 50. Lợi nhuận và trích lập các quỹ**

1. Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành đối với Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:

- Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí.

- Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận chung - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Lợi nhuận sau thuế sau khi bù lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của luật thuế TNDN sẽ được phân phối như sau :

a. Các quỹ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định:

- Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Mức trích các quỹ trên được căn cứ vào lợi nhuận thu được trong năm và Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

c. Phân chia cổ tức cho cổ đông : mức cổ tức và hình thức chi trả do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận:

- Quỹ bảo hành sản phẩm, công trình;
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

4. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương XIV** **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG,** **NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

### **Điều 51. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 52. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch năm đó.

### **Điều 53. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán của Công ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty thực hiện hạch toán theo đúng Luật kế toán hiện hành; thực hiện quản lý tài chính theo chế độ hiện hành của Nhà nước và các Quy chế tài chính do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

4. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong kế toán.

## **Chương XV** **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH,** **TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 54. Báo cáo tài chính**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính. Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm: báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm của công ty mẹ còn phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn vào cuối niên độ kế toán.

3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và được công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin do Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà nội ban hành .

4. Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo quy định của Quy chế tài chính công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

### **Điều 55. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Chương XVI** **KIỂM TOÁN VÀ CON DẤU**

### **Điều 56. Kiểm toán**

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm

toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số đơn vị này, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản, điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập, kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận, được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

#### **Điều 57. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Chương XVII**

#### **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, PHÁ SẢN, THANH LÝ TÀI SẢN**

#### **Điều 58. Tổ chức lại**

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi hình thức pháp lý của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 59. Giải thể, chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Giải thể hoặc chấm dứt trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Các quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định của pháp luật.

3. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban

thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó: 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

4. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

5. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

6. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ 1/2 (một phần hai) số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- a. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- b. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Có sự bất đồng trong nội bộ và 02 (hai) hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

#### **Điều 60. Phá sản Công ty**

Thủ tục phá sản và việc thanh lý tài sản của Công ty trong trường hợp phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật phá sản.

### **Chương XVIII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ**



1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ này, các quy định giữa:

a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;

b. Một cổ đông hoặc các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý của Công ty.

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan trọng tài kinh tế hoặc toà án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án hay trọng tài sẽ do các cơ quan này quyết định bên nào phải chịu.

## **Chương XIX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 62. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ**

1. Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3, khi cần thì được bổ sung, sửa đổi. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua biểu quyết và được thực hiện bằng các phụ lục đính kèm. Các phụ lục đính kèm là một phần không tách rời Điều lệ này.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **Chương XX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 63. Điều khoản chung**

1. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 06 năm 2019. Điều lệ này thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 tháng 8 năm 2015.

2. Điều lệ này gồm 20 chương 63 điều, được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 (một) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của Địa phương;
- b. 05 (năm) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của pháp luật;
- c. 01 (một) bản nộp Đường sắt Việt Nam;
- d. 03 (ba) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

## CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Văn Thúy

ỦY VIÊN HĐQT

Trần Quốc Đoàn

ỦY VIÊN HĐQT

Nguyễn Kim Chinh

ỦY VIÊN HĐQT

Phạm Ngọc Côi

ỦY VIÊN HĐQT

Phan Quốc Hiếu

ỦY VIÊN HĐQT

Nguyễn Quang Vinh

ỦY VIÊN HĐQT

Lê Văn Nhung

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	trang 1
Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....	trang 1
I. ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	trang 1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	trang 1
II. TÊN GỌI, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	trang 4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....	trang 4
Chương II. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	trang 4
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	trang 4
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	trang 6
Điều 5. Tổ chức Đảng CSVN và các tổ chức chính trị khác.....	trang 6
Chương III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	trang 6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	trang 6
Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu .....	trang 7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	trang 8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	trang 8
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	trang 8
Chương IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT .....	trang 9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý .....	trang 9
Chương V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	trang 9
Điều 12. Quyền của cổ đông .....	trang 9
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông.....	trang 11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....	trang 12
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	trang 13
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền .....	trang 14
Điều 17. Thay đổi các quyền .....	trang 15
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	trang 16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	trang 17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....	trang 18
Điều 21. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	trang 19
Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết thông qua .....	trang 20
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	trang 21
Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	trang 23
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	trang 23

Chương VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	trang 24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	trang 24
Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị .....	trang 26
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị .....	trang 26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	trang 30
Điều 30. Hoạt động của Hội đồng quản trị .....	trang 31
Điều 31. Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên Hội đồng quản trị .....	trang 31
Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	trang 33
Chương VII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY .....	trang 36
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý .....	trang 36
Điều 34. Cán bộ quản lý .....	trang 37
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	trang 37
Điều 36. Thư ký Công ty .....	trang 40
Chương VIII. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	trang 40
Điều 37. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý .....	trang 40
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	trang 40
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	trang 42
Chương IX. BAN KIỂM SOÁT .....	trang 42
Điều 40. Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát .....	trang 42
Điều 41. Quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát và của các thành viên Ban kiểm soát .....	trang 44
Chương X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY. ....	trang 46
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	trang 46
Chương XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN. ....	trang 47
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn .....	trang 47
Chương XII. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN.....	trang 47
Điều 44. Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.....	trang 47
Điều 45. Quan hệ giữa công ty và các đơn vị trực thuộc .....	trang 47
Điều 46. Quản lý phần vốn góp của Công ty trong các công ty liên quan .....	trang 47
Điều 47. Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan .....	trang 48
Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên .....	trang 48
Chương XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	trang 47
Điều 49. Cổ tức .....	trang 50
Điều 50. Lợi nhuận và trích lập các quỹ .....	trang 50
Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KÊ TOÁN.....	trang 51
Điều 51. Tài khoản ngân hàng .....	trang 51

Điều 52. Năm tài chính.....	trang 51
Điều 53. Chế độ kế toán .....	trang 51
Chương XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN .....	trang 52
Điều 54. Báo cáo tài chính .....	trang 52
Điều 55. Báo cáo thường niên .....	trang 52
Chương XVI. KIỂM TOÁN VÀ CON DẤU .....	trang 52
Điều 56. Kiểm toán .....	trang 52
Điều 57. Con dấu.....	trang 53
Chương XVII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, PHÁ SẢN, THANH LÝ TÀI SẢN .....	trang 53
Điều 58. Tổ chức lại .....	trang 53
Điều 59. Giải thể, chấm dứt hoạt động.....	trang 53
Điều 60. Phá sản Công ty .....	trang 54
Chương XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ. ....	trang 54
Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	trang 54
Chương XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ. ....	trang 55
Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	trang 55
Chương XX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH. ....	trang 55
Điều 63. Điều khoản chung.....	trang 55

---